

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ,
tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035; Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 5154/BXD-QHKT ngày 14/11/2022 của Bộ Xây dựng về việc Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035;

Căn cứ Báo cáo số 373/BC-SXD ngày 10/10/2023 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thị xã Buôn Hồ tại Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 31/10/2023 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 43/SXD-KTQH ngày 05/01/2024 về việc rà soát, bổ sung hồ sơ trình phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ.

3. Đơn vị tư vấn: Viện Quy hoạch Phát triển nông thôn – Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia – Bộ Xây dựng.

4. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Vị trí: Toàn bộ địa giới hành chính thị xã Buôn Hồ (07 phường và 05 xã), với diện tích khoảng 28.260,99 ha.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp : Huyện Krông Búk;

+ Phía Nam giáp : Huyện Cư M'gar và huyện Krông Pắc;

+ Phía Đông giáp : Huyện Ea Kar và huyện Krông Năng;

+ Phía Tây giáp : Huyện Cư M'gar.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/10.000.

5. Tính chất:

- Là đô thị sinh thái cấp vùng, trung tâm tiêu vùng Tây Nguyên. Đô thị đầu mối giao thương quan trọng của trục hành lang kinh tế nối kết giữa vùng Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung bộ và vùng Đông bắc Campuchia.

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch vùng phía Bắc của tỉnh Đắk Lắk. Có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng. Đồng thời, cũng là trung tâm du lịch sinh thái – văn hóa; trung tâm công nghiệp tập trung, trung tâm chế biến cà phê của vùng và cả nước.

- Quy mô đô thị loại III đến năm 2025.

6. Mục tiêu của đồ án:

- Xây dựng đô thị Buôn Hồ phát triển bền vững, có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát triển hài hòa giữa văn hóa với kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng bảo vệ môi trường. Định hướng phát triển không gian đô thị Buôn Hồ là đô thị loại III đến năm 2025, là trung tâm hạt nhân vùng kinh tế phía Bắc của tỉnh, đầu mối giao lưu kinh tế và đầu mối giao thông của vùng, tạo điều kiện thúc đẩy đô thị hóa, phát triển kinh tế bền vững, nâng cao chất lượng sống người dân.

- Làm cơ sở cho việc quản lý đất đai; Cơ sở để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung trong đô thị.

7. Chỉ tiêu dân số, đất đai:

a) Dự báo quy mô dân số:

- Quy mô dân số đến năm 2030: Khoảng 115.000 người (Trong đó, nội thị: 76.500 người, ngoại thị: 38.500 người).

- Quy mô dân số đến năm 2045: Khoảng 138.500 người (Trong đó, nội thị: 105.000 người, ngoại thị: 33.500 người).

b) Dự báo quy mô đất đai:

- Quy mô đất đai đến năm 2030: Đất nội thị khoảng 8.269,19 ha, đất ngoại thị khoảng 19.991,81 ha; Đất xây dựng đô thị khoảng 6.416,36 ha

- Quy mô đất đai đến năm 2045: Đất nội thị khoảng 8.269,19 ha, đất ngoại thị khoảng 19.991,81 ha; Đất xây dựng đô thị khoảng 8.178,76 ha.

c) Quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị:

| TT | Hạng mục | Quy hoạch đến năm 2030 | | | Quy hoạch đến năm 2045 | | |
|----------|---|------------------------|---------------|--------------------|------------------------|---------------|--------------------|
| | | Ha | % | m ² /ng | Ha | % | m ² /ng |
| | Tổng diện tích đất tự nhiên | 28.260,99 | 100,00 | | 28.260,99 | 100,00 | |
| | - Đất xây dựng đô thị | 6.416,36 | 22,70 | | 8.178,76 | 28,94 | |
| | - Đất khác | 21.844,63 | 77,30 | | 20.082,23 | 71,06 | |
| A | Tổng diện tích đất xây dựng đô thị | 6.416,36 | 100,00 | 558,18 | 8.178,76 | 100,00 | 590,54 |
| I | Khu đất dân dụng | 2.630,21 | 40,99 | 228,81 | 3.289,55 | 40,22 | 237,52 |
| 1 | Đất đơn vị ở | 1.918,24 | 29,90 | 250,75 | 2.090,67 | 25,56 | 199,11 |
| | + Đất hiện trạng cải tạo | 1.792,94 | 27,94 | 321,65 | 1.918,24 | 23,45 | 250,75 |
| | + Đất ở mới | 125,30 | 1,95 | 60,36 | 172,43 | 2,11 | 60,45 |
| 2 | Đất ở hỗn hợp | 377,20 | 5,88 | 32,81 | 581,86 | 7,11 | 42,01 |
| 3 | Đất dịch vụ-công cộng | 52,62 | 0,82 | 4,58 | 77,57 | 0,95 | 5,60 |
| 4 | Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị | 6,65 | 0,10 | 0,87 | 6,65 | 0,08 | 0,63 |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | 52,50 | 0,82 | 4,57 | 109,62 | 1,34 | 7,92 |

| TT | Hạng mục | Quy hoạch đến năm 2030 | | | Quy hoạch đến năm 2045 | | |
|-----------|--|------------------------|--------------|--------------------|------------------------|--------------|--------------------|
| | | Ha | % | m ² /ng | Ha | % | m ² /ng |
| 6 | Đất giao thông đô thị | 173,85 | 2,71 | 15,12 | 351,99 | 4,30 | 25,42 |
| 7 | Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị | 49,15 | 0,77 | 4,28 | 71,19 | 0,87 | 5,14 |
| II | Khu đất ngoài dân dụng | 3.786,15 | 59,01 | 329,37 | 4.889,21 | 59,78 | 353,02 |
| 1 | Đất sản xuất công nghiệp | 75,00 | 1,17 | - | 75,00 | 0,92 | - |
| 2 | Đất trung tâm đào tạo nghiên cứu | 13,47 | 0,21 | - | 53,45 | 0,65 | - |
| 3 | Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị ... | 3,51 | 0,05 | - | 3,51 | 0,04 | - |
| 4 | Đất trung tâm y tế | 10,00 | 0,16 | - | 19,02 | 0,23 | - |
| 5 | Đất trung tâm VH-TDTT | 8,13 | 0,13 | - | 42,82 | 0,52 | - |
| 6 | Đất dịch vụ, du lịch | 455,65 | 7,10 | - | 583,77 | 7,14 | - |
| 7 | Đất cây xanh sử dụng hạn chế | 253,91 | 3,96 | - | 349,02 | 4,27 | - |
| 8 | Cây xanh chuyên dụng | 0,00 | 0,00 | - | 76,02 | 0,93 | - |
| 9 | Đất di tích, tôn giáo | 13,06 | 0,20 | - | 13,06 | 0,16 | - |
| 10 | Đất an ninh | 5,21 | 0,08 | - | 8,21 | 0,10 | - |
| 11 | Đất quốc phòng | 235,74 | 3,67 | - | 235,74 | 2,88 | - |
| 12 | Đất giao thông đối ngoại | 265,06 | 4,13 | - | 412,32 | 5,04 | - |
| 13 | Đất hạ tầng kỹ thuật khác | 92,94 | 1,45 | - | 92,94 | 1,14 | - |
| 14 | Điểm dân cư nông thôn | 2.354,47 | 36,69 | - | 2.924,33 | 35,76 | - |
| B | Khu đất nông nghiệp và chức năng khác | 21.844,63 | - | - | 20.082,23 | - | - |
| 1 | Đất sản xuất nông nghiệp | 20.782,16 | - | - | 19.019,76 | - | - |
| 2 | Đất lâm nghiệp | 44,74 | - | - | 44,74 | - | - |
| 3 | Đất năng lượng điện gió | 255,95 | - | - | 255,95 | - | - |
| 4 | Đất sông, suối, kênh rạch, hồ ao ... | 761,78 | - | - | 761,78 | - | - |

8. Định hướng phát triển không gian đô thị

8.1. Định hướng phát triển không gian đô thị:

a) Vùng phát triển đô thị lõi:

- Khu trung tâm hành chính quy hoạch phía Đông Bắc thị xã, khoảng 7,44ha xây dựng các công trình hành chính thị xã; Nâng cấp, cải tạo các khu văn hóa, thương mại, ...;

- Cải tạo chỉnh trang không gian đô thị các khu phố cũ, thực hiện theo lộ trình kế hoạch di dời các khu vực sản xuất công nghiệp ra ngoài trung tâm đô thị.

- Xây dựng khu đô thị thương mại tài chính làm động lực phát triển chính cho khu vực phía Bắc. Bố trí khu vực phát triển các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng làm tiền đề thúc đẩy phát triển Khu đô thị sinh thái – văn hóa – dịch vụ du lịch

b) Phân khu đô thị:

- Phân Khu đô thị Hành chính – Dịch vụ thương mại và tài chính:
 - + Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2045 khoảng: 56.600 người.
 - + Tổng quy mô diện tích khoảng 2.881,00 ha.
- Phân Khu đô thị Văn hóa – Dịch vụ:
 - + Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2045 khoảng 20.850 người.
 - + Tổng quy mô diện tích khoảng 2.353,50 ha.
- Phân khu đô thị sinh thái:
 - + Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2045 khoảng 27.550 người.
 - + Tổng quy mô diện tích khoảng: 3.034,69 ha.

8.2. Định hướng phát triển các trung tâm chức năng chuyên ngành đô thị:

- Trung tâm giáo dục đào tạo: Quy hoạch mới trường phổ thông theo các cấp học phù hợp bán kính phục vụ và quy mô dân số theo từng giai đoạn.

- Trung tâm thương mại dịch vụ: Tại khu vực phía Bắc chức năng đô thị tài chính; phía Nam, khu vực trung tâm phát triển các trung tâm thương mại. Bố trí quỹ đất quy hoạch khu Dịch vụ hậu cần (Logistic) kết hợp với chợ đầu mối nông sản gắn với 02 đầu mối giao thông Quốc lộ 14 và Quốc lộ 29.

- Trung tâm y tế: Xây dựng Trung tâm Y tế cấp tiểu vùng diện tích 10ha tại khu vực phía Bắc thị xã. Duy trì đất y tế tại các cơ sở y tế, bệnh viện, trung tâm y tế hiện có để phát triển thành các trung tâm y tế chuyên khoa; điều dưỡng hiện đại, tiện ích.

- Trung tâm thể dục thể thao – Du lịch:

+ Hình thành tổ hợp thể dục thể thao, sân lễ hội gắn với các công viên chuyên đề, cây xanh và các quảng trường văn hóa, lễ hội lớn tại phường An Bình, phường Thống Nhất, xã Ea Blang.

+ Quy hoạch trung tâm du lịch quy mô khoảng 300ha tại khu vực phía Đông gắn kết với trung tâm văn hoá và khu du lịch Buôn Tring. Phía Nam thị xã quy hoạch Khu du lịch sinh thái Đèo Hà Lan với quy mô khoảng 200ha.

- Khu Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp:

+ Xây dựng cụm công nghiệp Cư Bao quy mô khoảng 75ha theo quy hoạch phát triển cụm công nghiệp của tỉnh.

+ Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống trong các buôn làng gắn với phát triển du lịch.

8.3. Giải pháp thiết kế đô thị:

- Quy hoạch cải tạo các khu vực đô thị hiện có và đô thị mới:

+ Các công trình công cộng, công trình điểm nhấn tại các tuyến đường chính trung tâm phát triển kiến trúc có bản sắc vùng Tây Nguyên.

+ Hệ thống các công trình điểm nhấn mới cho thị xã bao gồm: Công trình trung tâm văn hóa xây dựng mới ở Phân khu đô thị sinh thái (văn hóa – TDTT – dịch vụ du lịch); công trình trung tâm tài chính thương mại ở phía Bắc;

+ Các tuyến thương mại dịch vụ: Đường Trần Hưng Đạo, Phù Đồng Thiên Vương, Lý Chính Thắng, tại nút giao các tuyến này với các trục chính như Quốc lộ 14.

- Quy hoạch các khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực bảo tồn:

Khu vực cảnh quan đèo Hà Lan được phát triển thành khu du lịch sinh thái. Ngoài ra còn có các khu vực cảnh quan nhân tạo là khu nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển du lịch. Khoanh vùng và đầu tư phát triển hạ tầng, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của người đồng bào Êđê như khu Buôn Tring, ...

8.4. Định hướng các khu dân cư nông thôn:

Phát triển các điểm dân cư tập trung, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, tiện ích; kết hợp cấu trúc buôn làng truyền thống thu hút dân cư. Hạn chế các điểm dân cư tự phát, phân tán ảnh hưởng đến đất sản xuất.

9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Các tuyến đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 14, Quốc lộ 29, kết nối đô thị Buôn Hồ với hành lang kinh tế dọc tuyến Hồ Chí Minh và Đông – Tây được tiếp tục hoàn thiện.

- Bến xe: Dự kiến bố trí bến xe khách kết hợp hàng hóa quy mô khoảng 6,8ha nằm trên tuyến đường Nguyễn Trãi kéo dài.

- Giao thông đô thị: Tiếp tục nâng cấp và nhựa hóa các tuyến đường chính đô thị, đường chính khu vực, đường khu vực đô thị. Giao thông công cộng: phát triển xe buýt công cộng đáp ứng tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng trên 10% nhu cầu đi lại trong phạm vi đô thị và kết nối vùng trong tỉnh.

- Chi tiết chỉ giới đường đỏ mạng lưới giao thông đô thị được thể hiện tại bản vẽ Bản đồ Định hướng phát triển giao thông (ký hiệu QH-06).

b) Quy hoạch san nền – thoát nước mưa:

- San nền: Phương án san nền tại thị xã Buôn Hồ chủ yếu là bám theo địa hình tự nhiên, san đắp cục bộ.

- Thoát nước mưa:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước riêng biệt hoàn toàn cho nước mưa và nước thải. Các tuyến thoát nước mưa được thiết kế là cống tròn bê tông cốt thép và mương bê tông nắp đan.

+ Cống được thiết kế có tiết diện D600, D800, D1000, D1200, D1500, D1800.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Quy hoạch nguồn nước:

+ Giai đoạn 2030: Sử dụng nguồn nước ngầm của chi nhánh cấp nước Buôn Hồ, nguồn nước ngầm của dự án cấp nước Buôn Hồ và nguồn nước mặt của hồ Hợp Thành, hồ Nam Hồng.

+ Giai đoạn 2045: Sử dụng thêm nguồn nước mặt từ trạm xử lý nước hồ Ea Nhái huyện Krông Pắc, theo quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước tỉnh Đắk Lắk làm nguồn nước bổ sung.

- Cấp nước phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo tuyến cấp nước phân phối chính $D \geq 100$ trên các trục đường đô thị, khoảng cách giữa các họng cấp nước PCCC tối đa 150m.

d) Quy hoạch cấp điện:

Nguồn điện:

- Giai đoạn đến 2030: Quy hoạch vị trí 3 nhà máy điện gió cấp điện áp 110/22kV; Giữ nguyên công suất trạm 110/22kV Buôn Hồ công suất 40MVA; Xây dựng mới trạm 110/22kV Phú Xuân công suất 40MVA.

- Giai đoạn đến năm 2040: Giữ nguyên công suất trạm 220/110/22kV Krông Buk, nâng công suất trạm 110/22kV Hòa Thuận lên (40+63)MVA, trạm 110/22kV Buôn Hồ lên (25+40)MVA, trạm 110/22kV Phú Xuân lên (63+40)MVA.

đ) Quy hoạch thoát nước thải và thu gom chất thải rắn, nghĩa trang:

- Hệ thống thoát nước thải nội thị sẽ được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung đặt tại khu vực Đông Nam khu trung tâm thị xã.

- Quy hoạch mạng lưới thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn (CTR):

+ Giai đoạn đến năm 2030: CTR thu gom vận chuyển về khu xử lý CTR thị xã Buôn Hồ tại xã Ea Đrông;

+ Giai đoạn đến năm 2045: Xây dựng khu xử lý CTR hoàn toàn với giải pháp xử lý CTR bằng lò đốt CTR khí tự nhiên.

- Định hướng quy hoạch nghĩa trang, nhà tang lễ:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Xây dựng khu nghĩa trang nhân dân cấp II tại xã Ea Blang.

+ Giai đoạn đến năm 2045: Xây dựng 1 nghĩa trang tập trung kết hợp quy hoạch vị trí hỏa táng vị trí phục vụ phía Nam đô thị, diện tích trên 25 ha.

10. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Tạo hành lang bảo vệ sông hồ; kiểm soát có hiệu quả nguồn nước tiếp nhận. Thực hiện các chương trình trồng cây xanh ven hồ, sông suối để bảo vệ, chống sạt lở, tôn tạo cảnh quan môi trường đô thị;

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn: Đảm bảo mật độ cây xanh tại các công trình công cộng (bến xe, trường học, bệnh viện...). Phát triển cây

xanh đường phố và không gian công cộng. Khuyến khích xây dựng công trình sử dụng vật liệu thích ứng với môi trường, hạn chế khí thải nhà kính ...;

- Giảm thiểu môi trường đất: Sử dụng đất một cách hợp lý, phân đợt đầu tư, khi chưa có kế hoạch phát triển cần khai thác tiếp tục diện tích đất nông nghiệp.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật đầu môi (xử lý CTR thông thường, nghĩa trang, khu xử lý nước thải) được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật. Khi chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải phát sinh được xử lý tại công trình đảm bảo quy chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua xây dựng và thực hiện kế hoạch chống chịu với khí hậu, xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thị xã Buôn Hồ:

a) Chịu trách nhiệm thực hiện quản lý quy hoạch đô thị theo đồ án quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định này; hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng biết, thực hiện.

b) Tổ chức công bố, công khai rộng rãi quy hoạch xây dựng để tổ chức, cá nhân được biết, kiểm tra và thực hiện theo đúng quy định. Lập hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cắm mốc giới các tuyến giao thông ngoài thực địa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, để làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, xây dựng công trình theo quy hoạch;

c) Ủy quyền cho UBND thị xã Buôn Hồ xây dựng, ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị theo đúng quy định hiện hành. Trước khi phê duyệt, phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

d) Tổ chức rà soát, đánh giá, báo cáo kết quả rà soát quy hoạch theo định kỳ; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị theo quy định.

2. Sở Xây dựng:

a) Hướng dẫn UBND thị xã Buôn Hồ xây dựng, ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị được duyệt, làm cơ sở xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc đô thị theo Luật Kiến trúc;

b) Hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng biết, thực hiện. Làm căn cứ thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất xây dựng đô thị; Chương trình phát triển đô thị và các dự án đầu tư xây dựng đô thị;

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác thực hiện theo quy hoạch, kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng theo nội dung quy hoạch xây dựng được duyệt;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thị xã Buôn Hồ và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (V-3).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh